

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHÍNH THỨC
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN
(Tính đến ngày 05/09/2021)**

Khoa: Công nghệ thực phẩm

Số ngày CTXH phải hoàn thành: 15

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
1	DH61800633	Đặng Quốc	Anh	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
2	DH61801791	Phạm Xuân Quốc	Bảo	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
3	DH61700385	Phạm Thế	Bình	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
4	DH61802725	Võ Trần Mỹ	Duyên	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
5	DH61800828	Chế Thị Cẩm	Hồng	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
6	DH61800920	Đặng Tấn	Hung	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
7	DH61806246	Tiêu Vỹ	Khang	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
8	DH61802735	Tạ Ngọc Phương	Linh	D18_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
9	DH61802457	Nguyễn Bảo	Nghi	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
10	DH61703837	Trương Thanh	Nhã	D18_TP01	2	-	-	-	-	2	-	-	13
11	DH61803360	Nguyễn Yên	Nhi	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
12	DH61800192	Nguyễn Huỳnh Mai	Phương	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
13	DH61800048	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
14	DH61801329	Hồ Minh	Tấn	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
15	DH61800063	Viên Bích	Thuận	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
16	DH61802464	Phan Thị Thủy	Tiên	D18_TP01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
17	DH61801246	Lê Minh	Toàn	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
18	DH61800019	Lê Cao	Trí	D18_TP01	1	-	-	-	-	1	-	-	14
19	DH61801354	Nguyễn Nam	Trung	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
20	DH61802515	Dương Minh Hoàng	Tú	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
21	DH61802513	Hồ Thị Hoàng	Yến	D18_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
22	DH61800955	Trần Ngọc Vân	Anh	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
23	DH61803454	Kiều Lý Ngọc	Hằng	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
24	DH61803485	Đặng Công	Hậu	D18_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
25	DH61803089	Lê Khắc	Huy	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
26	DH61803821	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	D18_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
27	DH61805004	Huỳnh Thị Hồng	Loan	D18_TP02	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
28	DH61803606	Lê Thị Ngọc	Mai	D18_TP02	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
29	DH61801555	Cao Thị Kim	Mẫn	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
30	DH61803183	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
31	DH61803043	Huỳnh Thị Kim	Nhon	D18_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
32	DH61800097	Trần Đại	Thành	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
33	DH61802812	Nguyễn Thị Minh	Thùy	D18_TP02	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
34	DH61802678	Tô Thị Mỹ	Thương	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
35	DH61803607	Võ Thị Mỹ	Tiên	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
36	DH61803916	Phạm Mỹ	Trình	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
37	DH61803524	Võ Ngọc Phương	Trình	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
38	DH61806419	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D18_TP02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
39	DH61803969	Võ Thị Thanh	Trúc	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
40	DH61806019	Phạm Ngọc Lan	Vi	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
41	DH61803011	Lê Tuấn	Vinh	D18_TP02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
42	DH61803824	Hạng Lê Thảo	Vy	D18_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
43	DH61804474	Nguyễn Hải	Đặng	D18_TP03	1	-	-	-	-	1	-	-	14
44	DH61804490	Nguyễn Văn	Đức	D18_TP03	5.5	-	-	-	-	5.5	-	-	9.5
45	DH61804603	Lê Thị Thu	Hiền	D18_TP03	12	-	-	-	-	12	-	-	3
46	DH61804770	Trần Hoàng Thái	Huy	D18_TP03	0	-	-	-	-	-	-	-	15
47	DH61804838	Tăng Tiến	Khang	D18_TP03	19.5	-	-	-	-	19.5	-	-	0
48	DH61804841	Trương Gia	Khang	D18_TP03	23	-	-	-	-	23	-	-	0
49	DH61804974	Lê Thị Thùy	Linh	D18_TP03	14	-	-	-	-	14	-	-	1
50	DH61805086	Phạm Phú Hoàng	Minh	D18_TP03	15	-	-	-	-	15	-	-	0
51	DH61800418	Lê Thị Tuyết	Ngân	D18_TP03	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
52	DH61805198	Trịnh Hoàng	Nguyên	D18_TP03	10	-	-	-	-	10	-	-	5
53	DH61805244	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D18_TP03	6.5	-	-	-	1	5.5	-	-	8.5
54	DH61805280	Lê Trần Bảo	Như	D18_TP03	20	-	-	-	-	20	-	-	0
55	DH61805285	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D18_TP03	4	-	-	-	1	3	-	-	11
56	DH61805391	Bùi Thị Kim	Phương	D18_TP03	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
57	DH61804193	Dương Thị Mai	Phương	D18_TP03	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
58	DH61805447	Cát Thị Ngọc	Quỳnh	D18_TP03	16	-	-	-	-	16	-	-	0
59	DH61805452	Phan Ngọc Diễm	Quỳnh	D18_TP03	12	-	-	-	2	10	-	-	3
60	DH61805530	Lê Quốc	Thái	D18_TP03	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
61	DH61805570	Lê Thị Kim	Thao	D18_TP03	3	-	-	-	-	3	-	-	12
62	DH61805648	Trương Hiếu	Thảo	D18_TP03	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
63	DH61803860	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	D18_TP03	44.5	-	-	-	-	44.5	-	-	0
64	DH61805861	Nguyễn Lê Tú	Trình	D18_TP03	3.5	-	-	-	-	3.5	-	-	11.5
65	DH61805879	Hồ Thụy Thanh	Trúc	D18_TP03	16	-	-	-	-	16	-	-	0
66	DH61805931	Lê Thị Cẩm	Tú	D18_TP03	5	-	-	-	-	5	-	-	10
67	DH61806009	Giang Mỹ	Vân	D18_TP03	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
68	DH61801027	Phạm Thị Lan	Anh	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
69	DH61801065	Huỳnh Gia	Bảo	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
70	DH61801325	Đoàn Hữu	Định	D18_TP04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
71	DH61801498	Phạm Thanh	Hiếu	D18_TP04	18.5	12	-	-	-	6.5	-	-	0
72	DH61802261	Thiệu Thanh	Hiếu	D18_TP04	2	-	-	-	-	2	-	-	13
73	DH61800599	Đoàn Thị Cẩm	Hương	D18_TP04	2	-	-	-	-	2	-	-	13
74	DH61802455	Nguyễn Thị	Lụa	D18_TP04	24	16	-	-	-	8	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
75	DH61801546	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	D18_TP04	22.5	10	-	-	1	11.5	-	-	0
76	DH61804160	Trần Nguyễn Tú	Như	D18_TP04	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
77	DH61800795	Trần Hồng	Phúc	D18_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
78	DH61805395	Hồ Thị Mai	Phương	D18_TP04	19.5	-	-	-	-	19.5	-	-	0
79	DH61800011	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	D18_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
80	DH61801127	Nguyễn Thanh	Thảo	D18_TP04	12.5	-	-	-	-	12.5	-	-	2.5
81	DH61805675	Nguyễn Hiệp	Thuận	D18_TP04	9	-	-	-	-	9	-	-	6
82	DH61805809	Phan Thị Kiều	Trang	D18_TP04	15.5	-	-	-	1	14.5	-	-	0
83	DH61800971	Trịnh Thị Thùy	Trang	D18_TP04	21.5	14.5	-	-	-	7	-	-	0
84	DH61806378	Hà Thị Ngọc	Trâm	D18_TP04	12	-	-	-	-	12	-	-	3
85	DH61805858	Lê Thị Lan	Trinh	D18_TP04	16.5	-	-	-	1	15.5	-	-	0
86	DH61801120	Lê Anh	Tùng	D18_TP04	22.5	16	-	-	-	6.5	-	-	0
87	DH61802939	Bùi Quang	Vinh	D18_TP04	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
88	DH61800182	Trần Chí	Vỹ	D18_TP04	0	-	-	-	-	-	-	-	15
89	DH61905079	Lê Quốc	Anh	D19_TP01	15	15	-	-	-	-	-	-	0
90	DH61900696	Phạm Tú	Anh	D19_TP01	0.5	-	-	-	-	0.5	-	-	14.5
91	DH61903296	Lưu Chí	Cường	D19_TP01	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
92	DH61903317	Diệp Cẩm	Dĩnh	D19_TP01	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
93	DH61900130	Mai Thanh	Duy	D19_TP01	29.5	18	-	-	-	11.5	-	-	0
94	DH61901821	Nguyễn Hoài	Đông	D19_TP01	24.5	10	-	-	-	14.5	-	-	0
95	DH61903571	Hà Minh	Hiếu	D19_TP01	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
96	DH61900232	Võ Thị Quỳnh	Hoa	D19_TP01	4	-	-	-	-	4	-	-	11
97	DH61900516	Đường Chước	Hòa	D19_TP01	18	-	12	-	-	6	-	-	0
98	DH61900437	Hồ Chấn	Huy	D19_TP01	26.5	20	-	-	-	6.5	-	-	0
99	DH61903711	Trần Thị Ngọc	Huyền	D19_TP01	19	-	-	-	-	19	-	-	0
100	DH61900747	Lương Thị Thúy	Huỳnh	D19_TP01	15	2	-	-	-	13	-	-	0
101	DH61901593	Bùi Tấn	Khải	D19_TP01	5	-	-	-	-	5	-	-	10
102	DH61901736	Nguyễn Tấn	Khang	D19_TP01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
103	DH61903875	Đặng Thị Phương	Linh	D19_TP01	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
104	DH61900640	Lê Ngọc Yên	Nhi	D19_TP01	16.5	13	-	-	-	3.5	-	-	0
105	DH61904166	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D19_TP01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5
106	DH61905279	Nguyễn Thị Diễm	Sương	D19_TP01	6	-	-	-	-	6	-	-	9
107	DH61904418	Nguyễn Thị Thu	Tâm	D19_TP01	35.5	16	-	-	-	19.5	-	-	0
108	DH61900556	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D19_TP01	16.5	8	-	-	-	8.5	-	-	0
109	DH61900112	Phan Thị Hồng	Thắm	D19_TP01	4.5	-	-	-	-	4.5	-	-	10.5
110	DH61901284	Trương Thị Hoài	Thơ	D19_TP01	20.5	-	-	-	-	20.5	-	-	0
111	DH61904579	Hứa Chấn	Thuận	D19_TP01	6	-	-	-	-	6	-	-	9
112	DH61901815	Trương Hoàng	Tiến	D19_TP01	0	-	-	-	-	-	-	-	15
113	DH61904705	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	D19_TP01	6.5	-	-	-	-	6.5	-	-	8.5
114	DH61900748	Châu Thị Bảo	Trân	D19_TP01	11	1.5	-	-	-	9.5	-	-	4
115	DH61901836	Tô Thị Thanh	Triên	D19_TP01	1.5	-	-	-	-	1.5	-	-	13.5

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Số ngày CTXH đã tích lũy	1	2	3	4	5	6	7	Số ngày CTXH còn lại
157	DH62007013	Nguyễn Văn Khoa	D20_TP02	2.5	-	-	-	-	2.5	-	-	12.5
158	DH62004577	Đỗ Tuấn Kiệt	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
159	DH62006466	Đặng Minh Luân	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
160	DH62004798	Nguyễn Kim Ngân	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
161	DH62004147	Nguyễn Ngọc Ngân	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
162	DH62006642	Nguyễn Thị Kim Ngân	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
163	DH62000184	Trần Vương Pháp	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
164	DH62004857	Nguyễn Anh Quân	D20_TP02	1	-	-	-	-	1	-	-	14
165	DH62004814	Trần Tú Quyên	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
166	DH62006496	Võ Thị Kim Thanh	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
167	DH62004812	Hà Bạch Kim Tiên	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
168	DH62006493	Nguyễn Trung Tín	D20_TP02	2	-	-	-	-	2	-	-	13
169	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
170	DH62004919	Nguyễn Ngọc Tường Vi	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
171	DH62006514	Trần Thanh Vy	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15
172	DH62007265	Bùi Phi Yên	D20_TP02	0	-	-	-	-	-	-	-	15

Tổng số SV: **172**

Đã hoàn thành: **27**

Chưa hoàn thành: **145**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Hiến máu nhân đạo
- 5: Các hoạt động công tác xã hội khác
- 6: Các hoạt động cứu trợ thiên tai
- 7: Các lớp học tình thương

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2022

Người lập bảng

Phụ trách Phòng CTSV

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Lê Thị Phương Hằng

PGS, TS. CAO HÀO THI